

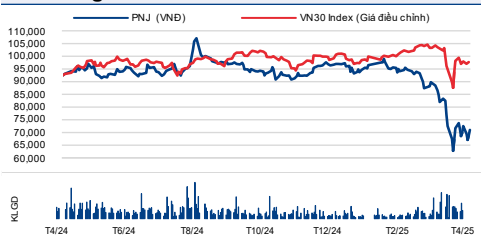
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ85,300
Tiềm năng tăng/giảm: 20.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/4/2025)	71,000
Mã Bloomberg	PNJ VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	62,800-107,091
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	69,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	23,991
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	922
Slg CP lưu hành (tr.đv)	338
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	166
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	49.0%
Tỷ lệ freefloat	74.1%
Cổ đông lớn	C.T.N Dung, gia đình (14.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	37,823	31,162	33,103
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,751	2,686	2,987
LNTT (tỷ đồng)	2,651	2,565	2,866
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,113	2,044	2,284
FCF (tỷ đồng)	(7.22)	1,545	1,857
EPS ĐC (đồng)	5,697	5,747	6,422
DPS (đồng)	2,000	2,001	2,002
BVPS (đồng)	33,309	37,799	42,472
T.trưởng EBITDA (%)	5.39	(2.37)	11.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	2.01	0.88	11.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	0.05	0.05
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.27	8.62	9.02
Tỷ suất LNTT (%)	7.01	8.23	8.66
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.59	6.56	6.90
Tỷ lệ LN trả CT (%)	35.1	34.8	31.2
Nợ thuần/VCSH (%)	21.4	13.7	7.48
ROAE (%)	20.1	17.0	16.8
ROACE (%)	25.3	21.6	21.3
EV/doanh thu (lần)	0.69	0.82	0.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.53	9.52	8.34
P/E ĐC (lần)	12.5	12.4	11.1
P/B (lần)	2.13	1.88	1.67
Lợi suất cổ tức (%)	2.82	2.82	2.82

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

PNJ là nhà sản xuất và bán lẻ trang sức hàng đầu Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA
Trưởng phòng
giang.bnc@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

ĐHCĐ: Đặt mục tiêu tăng trưởng âm, không thông qua kế hoạch phát hành ESOP năm 2026

- ĐHCĐ đã thông qua KHKD năm 2025, với lợi nhuận thuần giảm 7,3% so với cùng kỳ. Cổ đông không thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP năm 2026 dựa trên KQKD thực tế của năm 2025.
- Triển vọng năm 2025 đang gặp nhiều thách thức do giá vàng tăng và sức mua kém. Công ty tiếp tục mở thêm cửa hàng mới với tâm thế thận trọng, đặt mục tiêu mở 12-25 cửa hàng mới trong năm 2025.
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Tổ chức ĐHCĐ ngày 26/4/2025

PNJ đã tổ chức ĐHCĐ vào ngày 26/4/2025. Những thông tin chính như sau.

Thông qua mục tiêu tăng trưởng âm

ĐHCĐ đã thông qua mục tiêu doanh thu năm 2025 ở mức 31.607 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ, trong đó Công ty dự báo doanh thu vàng 24k giảm 60-70%, trong khi lợi nhuận thuần dự kiến đạt 1.960 tỷ đồng, giảm 7,3% so với cùng kỳ.

Lý giải cho quyết định đề ra mục tiêu lợi nhuận thấp, BLĐ cho rằng chi phí sản xuất tăng cao do giá vàng tăng, nhưng PNJ không thể chuyển toàn bộ phần chi phí tăng thêm này về phía khách hàng, nên phải chấp nhận tỷ suất lợi nhuận giảm. Ngoài ra, PNJ cũng đang tăng cường hoạt động mua lại trang sức để tái chế và nung chảy, dẫn đến thời gian lưu kho và chi phí cao hơn, từ đó ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận gộp.

Đối với kế hoạch phân phối lợi nhuận, công ty sẽ chi trả cổ tức bằng tiền mặt ở mức 2.000đ/cp, trích từ lợi nhuận năm 2024 (lợi suất cổ tức: 2,8%, tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức: 32%), trong đó mức 600đ/cp đã được chi trả. Cổ đông cũng đã thông qua đề xuất chi trả cổ tức ở mức 20% trên mệnh giá, trích từ lợi nhuận năm 2025. Tỷ lệ này bằng với mức cổ tức năm 2024 và sát với dự báo của chúng tôi.

Không thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP năm 2026; kế hoạch mua lại cổ phiếu được chấp thuận

Cổ đông đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP năm 2025, dựa trên KQKD thực tế của năm 2024. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tương đương 0,96% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành trong năm 2025, với giá 20.000đ/cp.

Tuy nhiên, đối với kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP năm 2026 dự trên KQKD thực tế của năm 2025 không được thông qua, với tỷ lệ tán thành của cổ đông chỉ ở mức 60,2%. Lưu ý, tờ trình cho thấy việc phát hành cổ phiếu ESOP sẽ được tiến hành khi KQKD thực tế của năm 2025 đạt 1.568 tỷ đồng (giảm 26% so với cùng kỳ) hoặc đạt mức cao hơn.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2025, PNJ

PNJ đặt kế hoạch lợi nhuận thuần giảm 7,3%

Tỷ đồng	2024	Kế hoạch 2025	Tăng trưởng	Kế hoạch so với dự báo
Tổng doanh thu	38,232	31,607	-17.3%	0.4%
Lợi nhuận gộp	6,674	6,714	0.6%	-0.4%
LNTT	2,651	2,475	-6.6%	-3.5%
Lợi nhuận thuần	2,113	1,960	-7.3%	-4.1%

Nguồn: PNJ, HSC ước tính

Cổ đông cũng thông qua kế hoạch mua lại lên đến 8 triệu cổ phiếu thông qua giao dịch khớp lệnh và/hoặc giao dịch thỏa thuận. HĐQT sẽ quyết định thời gian thực hiện.

Triển vọng năm 2025: Sức mua kém, thận trọng mở rộng hệ thống cửa hàng

Theo BLĐ, trong năm 2025, sức mua kém là một thách thức đối với PNJ. Tốc độ tăng trưởng của doanh thu bán lẻ được giữ vững trong các dịp lớn như Quốc tế Phụ nữ (8/3) và ngày lễ Valentine. Tuy nhiên, từ tháng 4 trở đi, sản lượng tiêu thụ giảm (mặc dù doanh thu không giảm do giá bán tăng).

PNJ đang tập trung vào phát triển sản phẩm mới với hàm lượng vàng thấp hơn và ra mắt nhiều loại phụ kiện như Style by PNJ nhằm cân bằng với khả năng chi trả của người tiêu dùng. Do những sản phẩm này có giá bán thấp hơn, nên doanh thu không thể bù trừ cho phần sản lượng tiêu thụ bị sụt giảm do nhu cầu chung của thị trường chững lại.

Bất chấp tình hình khó khăn, PNJ sẽ tiếp tục mở thêm cửa hàng mới một cách thận trọng, với mục tiêu có thêm 12-25 cửa hàng mới trong năm 2025.

Quản lý rủi ro giá vàng: Không phòng vệ giá vàng

Do Việt Nam không có thị trường tương lai cho vàng, nên PNJ không phòng vệ cho giá vàng. PNJ quản lý rủi ro bằng cách cân bằng dòng hàng ra vào và quản lý hàng tồn kho. Giá bán lẻ được điều chỉnh theo từng chủng loại sản phẩm nếu giá vàng dao động vượt ngưỡng nhất định.

Sản phẩm MANCODE by PNJ: Đóng góp 25-30% doanh thu bán lẻ trong 5 năm tới

Nhận thấy thị trường trang sức dành cho nam vẫn chưa được khai thác, PNJ đang mở rộng HĐKD sang mảng trang sức nam và các sản phẩm thời trang khác nhắm vào khách hàng nam giới. Thương hiệu MANCODE by PNJ – trang sức dành cho nam – chính thức ra mắt vào tháng 3 năm nay. Theo BLĐ, mặc dù chỉ ra mắt thử nghiệm theo hình thức “shop-in-shop” (bán trong cửa hàng trang sức hiện hữu), nhưng doanh thu Mancode có vẻ tích cực. Công ty có kế hoạch đẩy mạnh sự hiện diện của Mancode tại nhiều cửa hàng. Nếu đà tăng trưởng vẫn tiếp diễn, PNJ sẽ mở các cửa hàng độc lập chuyên bán sản phẩm Mancode.

Mancode là nền tảng ban đầu cho phân khúc thời trang dành cho nam của PNJ. Công ty đang hợp tác với nhiều thương hiệu thời trang cao cấp của Ý để mở rộng danh mục sản phẩm mang thương hiệu Mancode. Hiện tại, Mancode đóng góp chưa đến 10% doanh thu nhưng BLĐ kỳ vọng mức đóng góp của thương hiệu này sẽ tăng lên 25-30% trong 5 năm tới.

Mảng kinh doanh mới

Đối với các mảng kinh doanh mới, BLĐ cho biết Công ty đang chuẩn bị thay đổi thương hiệu cho dòng sản phẩm trang sức mỹ nghệ. PNJ cũng đang phát triển một dòng sản phẩm dưới hình thức hợp tác với thương hiệu với một thương hiệu quốc tế. Ngoài ra, Công ty sẽ mua bản quyền để bán thêm nhiều sản phẩm của các thương hiệu quốc tế.

3 thành viên HĐQT được bầu lại

ĐHČĐ đã bầu bà Trần Ngọc Phương Thảo, ông Nguyễn Tuấn Hải và bà Tiêu Yến Trinh trở lại HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030, sau khi kết thúc nhiệm kỳ 2020-2025.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

PNJ đã công bố KQKD sơ bộ Q1/2025 thấp hơn 10% so với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần giảm 8% so với cùng kỳ đạt 678 tỷ đồng trên doanh thu thuần 9.635 tỷ đồng, giảm 24% (xem Báo cáo nhanh về [KQKD sơ bộ Q1/2025](#) của chúng tôi).

Chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	33,137	37,823	31,162	33,103	35,444
Lợi nhuận gộp	6,059	6,674	6,743	7,322	7,946
Chi phí BH&QL	(3,529)	(4,003)	(4,150)	(4,437)	(4,775)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	2,529	2,670	2,593	2,886	3,171
Lãi vay thuần	(40.0)	(2.60)	(51.4)	0	0.00
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(0.12)	(16.6)	23.6	(19.7)	(26.5)
LNTT	2,489	2,651	2,565	2,866	3,144
Chi phí thuế TNDN	(518)	(538)	(521)	(582)	(638)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,971	2,113	2,044	2,284	2,506
Lợi nhuận thuần ĐC	1,971	2,113	2,044	2,284	2,506
EBITDA ĐC	2,610	2,751	2,686	2,987	3,281
EPS (đồng)	5,584	5,697	5,747	6,422	7,045
EPS ĐC (đồng)	5,584	5,697	5,747	6,422	7,045
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,001	2,002	2,003
Slg CP bình quân (triệu đv)	328	338	338	338	338
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	328	338	338	338	338
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	328	338	338	338	338

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	896	1,123	1,163	2,016	3,602
Đầu tư ngắn hạn	810	1,020	1,500	2,000	2,000
Phải thu khách hàng	217	401	360	380	404
Hàng tồn kho	10,941	13,015	13,186	13,664	14,162
Các tài sản ngắn hạn khác	95.9	133	104	110	117
Tổng tài sản ngắn hạn	12,960	15,693	16,314	18,170	20,285
TSCĐ hữu hình	256	248	249	250	251
TSCĐ vô hình	626	609	608	608	608
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	3.98	3.98	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	583	654	694	798	906
Tổng tài sản dài hạn	1,470	1,515	1,552	1,656	1,765
Tổng cộng tài sản	14,430	17,208	17,865	19,826	22,050
Nợ ngắn hạn	2,384	3,342	2,753	2,925	3,131
Phải trả người bán	255	624	489	517	551
Nợ ngắn hạn khác	1,418	1,339	1,251	1,373	1,507
Tổng nợ ngắn hạn	4,614	5,942	5,082	5,464	5,898
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.22	0.18	0.18	0.18	0.18
Tổng nợ dài hạn	0.22	0.18	0.18	0.18	0.18
Tổng nợ phải trả	4,623	5,952	5,093	5,474	5,909
Vốn chủ sở hữu	9,807	11,255	12,772	14,352	16,141
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	9,807	11,255	12,772	14,352	16,141
Tổng nợ phải trả và VCSH	14,430	17,208	17,865	19,826	22,050
BVPS (đ)	29,891	33,309	37,799	42,472	47,769
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,488	2,219	1,590	909	(471)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	2,529	2,670	2,593	2,886	3,171
Khấu hao	(81.1)	(80.8)	(93.3)	(101)	(110)
Lãi vay thuần	(40.0)	(2.60)	(51.4)	0	0.00
Thuế TNDN đã nộp	(466)	(555)	(521)	(582)	(638)
Thay đổi vốn lưu động	(420)	(2,118)	(388)	(346)	(358)
Khác	(181)	8.29	(87.5)	(100)	(123)
LCT thuần từ HKKD	1,503	83.2	1,639	1,959	2,161
Đầu tư TS dài hạn	(82.0)	(90.4)	(93.8)	(102)	(111)
Góp vốn & đầu tư	(3.98)	0	0	0	0
Thanh lý	1.08	0.00	0	0	0
Khác	(492)	(121)	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(577)	(211)	(93.8)	(102)	(111)
Cổ tức trả cho CSH	(611)	(672)	(672)	(672)	(672)
Thu từ phát hành CP	0	67.2	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(299)	957	(588)	172	207
Khác	0	0	(244)	(504)	0.98
LCT thuần từ HĐTC	(909)	353	(1,505)	(1,004)	(464)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	880	896	1,123	1,163	2,016
LCT thuần trong kỳ	16.6	225	40.2	853	1,587
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	1.60	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	896	1,123	1,163	2,016	3,602
Dòng tiền tự do	1,421	(7.22)	1,545	1,857	2,050

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.3	17.6	21.6	22.1	22.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.88	7.27	8.62	9.02	9.26
Tỷ suất LNT (%)	5.95	5.59	6.56	6.90	7.07
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.8	20.3	20.3	20.3	20.3
Tăng trưởng doanh thu (%)	(2.18)	14.1	(17.6)	6.23	7.07
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	4.23	5.39	(2.37)	11.2	9.84
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	8.88	7.17	(3.25)	11.7	9.71
Tăng trưởng EPS (%)	5.22	2.01	0.88	11.7	9.71
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	5.22	2.01	0.88	11.7	9.71
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0.05	0.05	0.05
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	35.8	35.1	34.8	31.2	28.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	21.6	20.1	17.0	16.8	16.4
ROACE (%)	27.7	25.3	21.6	21.3	20.8
Vòng quay tài sản (lần)	2.39	2.39	1.78	1.76	1.69
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.59	0.03	0.63	0.68	0.68
Số ngày tồn kho	147	153	197	193	188
Số ngày phải thu	2.93	4.70	5.39	5.38	5.37
Số ngày phải trả	3.43	7.32	7.32	7.32	7.32
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	17.3	21.4	13.7	7.48	(1.82)
Nợ/tài sản (%)	18.0	20.5	16.3	15.6	15.0
EBIT/lãi vay (lần)	63.2	1,026	50.4	nm	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.99	1.28	1.08	1.03	1.01
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.81	2.64	3.21	3.33	3.44
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.75	0.69	0.82	0.75	0.66
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.49	9.53	9.52	8.34	7.17
P/E (lần)	12.7	12.5	12.4	11.1	10.1
P/E ĐC (lần)	12.7	12.5	12.4	11.1	10.1
P/B (lần)	2.38	2.13	1.88	1.67	1.49
Lợi suất cổ tức (%)	2.82	2.82	2.82	2.82	2.82

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn